TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 02 - 2022
Về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Triệu.
2. Ông Nguyễn Mạnh Việt.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 17 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 225/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Lâm Hiếu N**, sinh năm 1976. *(có mặt)*
Địa chỉ: Khu vực H, phường L, quận O, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Chị **Lê Thị Hồng H**, sinh năm 1985. *(có mặt)*
Địa chỉ: Khu vực P, phường G, quận N, thành phố Cần Thơ. Chỗ ở hiện nay: Khu vực H, phường L, quận O, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 19/10/2021, nguyên đơn anh Lâm Hiếu N trình bày:***

Năm 2012, do mai mối nên anh và chị Lê Thị Hồng H đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Long Hưng vào ngày 03/8/2018. Vợ chồng chung sống hạnh phúc từ khi cưới đến khoảng năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất hòa về tình cảm nên thường hay cãi nhau. Anh đã cố gắng duy trì cuộc hôn nhân nhưng không có kết quả. Do đó, anh và chị H đã ly thân nhau từ cuối tháng 10/2021 cho đến nay. Trong thời gian

ly thân, thỉnh thoảng anh có về thăm con nhưng do mâu thuẫn đã trầm trọng nên vợ chồng không hàn gắn được. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lâm Tuyết A (nữ, sinh ngày 28/5/2013), hiện chị H đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, anh đồng ý ổn định cho chị H nuôi dưỡng con chung đến trưởng thành, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

**** Tại Bản tự khai ngày 09/11/2021 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Lê Thị Hồng H trình bày:***

Chị thống nhất ý kiến với trình bày của anh Lâm Hiếu N về quá trình hôn nhân giữa chị với anh N. Theo chị, trong thời gian chung sống vợ chồng cũng có mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc nhưng mâu thuẫn không nghiêm trọng đến mức phải ly hôn. Anh N tự ý bỏ về nhà mẹ ruột ở từ cuối tháng 10/2021 đến nay, thỉnh thoảng anh N có về thăm con. Nay chị không đồng ý ly hôn với anh N.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lâm Tuyết A (nữ, sinh ngày 28/5/2013), hiện chị đang nuôi dưỡng. Trường hợp ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến trưởng thành, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn anh Lâm Hiếu N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn; đồng ý ổn định cho chị H nuôi dưỡng con chung đến trưởng thành, anh không cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn chị Lê Thị Hồng H không đồng ý ly hôn. Trường hợp ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến trưởng thành, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu giải quyết tài sản chung; về nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Anh Lâm Hiếu N và chị Lê Thị Hồng H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn, anh N khởi kiện ly hôn và yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi dưỡng con chưa thành niên. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly

hôn, nuôi con" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét quan hệ hôn nhân: Anh N và chị H là vợ chồng chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng chung sống hạnh phúc từ khi cưới đến khoảng năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn.

Tại phiên tòa, anh N cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bất hòa về tình cảm và tiền bạc, anh cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh đã về nhà mẹ ruột để ở từ tháng 10 năm 2021 và vợ chồng cũng đã ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân, anh thường tới lui thăm con nhưng anh và chị H vẫn không thể hàn gắn được. Nay anh xác định không thể tiếp tục chung sống với chị H nên anh yêu cầu được ly hôn với chị H.

Chị H cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ, có thể hàn gắn được. Chị đã nhiều lần khuyên anh N quay về chung sống để cùng nhau chăm lo cho con nhưng anh N không đồng ý. Do chị vẫn còn thương chồng, thương con nên chị không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, anh N có yêu cầu ly hôn, chị H không đồng ý. Quá trình giải quyết vụ án, cả anh N và chị H đều thừa nhận trong thời gian chung sống vợ chồng có mâu thuẫn. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi thụ lý vụ án đến nay Tòa án đã nhiều lần tạo điều kiện cho anh N, chị H hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng cho đến nay mâu thuẫn giữa anh chị vẫn không giải quyết được. Chị H cho rằng vẫn còn tình cảm với anh N nhưng lại không đưa ra được biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh N thì khẳng định không thể tiếp tục chung sống với chị H. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên yêu cầu ly hôn của anh N là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh N và chị H cùng xác định, trong thời gian chung sống, anh chị có 01 con chung là cháu Lâm Tuyết A (nữ, sinh ngày 28/5/2013), hiện chị H đang nuôi dưỡng. Chị H có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu A đến trưởng thành, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Anh N đồng ý. Đồng thời, cháu Ngân có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị H.

Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và sự thỏa thuận này phù hợp với quy định pháp luật cũng như phù hợp với nguyện vọng của trẻ nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Anh N được quyền thăm nom con chung; không ai được ngăn cản anh N thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung: Do đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Anh N và chị H cùng xác định trong thời gian chung

sống, anh chị không có nợ chung.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh N phải chịu án phí theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lâm Hiếu N.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lâm Hiếu N được ly hôn với chị Lê Thị Hồng H.

- Về con chung: Giao cháu Lâm Tuyết A (nữ, sinh ngày 28/5/2013), cho chị Lê Thị Hồng H nuôi dưỡng đến trưởng thành. Anh N không cấp dưỡng nuôi con.

Anh N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản anh N thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- Về nợ chung: Anh Lâm Hiếu N và chị Lê Thị Hồng H cùng xác định không có.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lâm Hiếu N phải nộp số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* anh N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003058 ngày 21/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ thành án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- UBND P. Long Hưng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Trần Thanh Thế